

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 6 - 2021

V/v Tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Đức Lợi.
2. Ông Lê Tiến Thân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXX-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thu H** - sinh năm 1979; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã H2, huyện V, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: **Anh Phan Bá H1** - sinh năm 1978; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã H2, huyện V, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ hiện nay: Đường S, huyện S1, thành phố A, tỉnh C, Hàn Quốc.

(Chị H, Anh H1 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2020 và Bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình tố tụng thì chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung với anh Phan Bá H1 và trình bày cụ thể như sau:

Chị H và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H2, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/02/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn G, xã H2, huyện V, tỉnh Thái Bình. Đến năm 2012 anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính cách không hòa hợp. Cũng trong năm 2012, anh H1 sang Hàn Quốc làm việc. Đến tháng 5/2017, anh H1 về nước. Tuy nhiên, do có mâu thuẫn từ trước và do thời gian xa cách quá lâu nên anh chị lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã, dù sống chung một nhà nhưng vợ chồng ly thân, không còn tình cảm với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tháng 8/2017, anh H1 tiếp tục sang Hàn Quốc để làm việc, anh chị chấm dứt mọi mối quan hệ với nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Phan Bá P, sinh ngày 10/8/2005, đang học lớp 10 tại Trường trung học phổ thông L thuộc huyện V, tỉnh Thái Bình và Phan Bá M1, sinh ngày 26/11/2012 đang học lớp 3 tại Trường tiểu học M thuộc xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. Hiện cả hai con do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị và anh H1 tự thỏa thuận với nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh H1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

***/ Tại bản tự khai của anh Phan Bá H1 gửi về Tòa án, có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, anh H1 trình bày:**

Anh H1 xác nhận việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa anh H1 và chị H như chị H đã trình bày. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, năm 2012 anh H1 sang Hàn Quốc lao động. Vì xa mặt cách lòng nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, chị H nghi ngờ anh có người phụ nữ khác mặc dù anh không có, anh đã giải thích nhưng chị H vẫn không tin tưởng anh. Đến tháng 5/2017, anh H1 về nước, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hai bên không quan tâm chăm sóc nhau, không còn can thiệp vào cuộc sống của nhau. Chính vì vậy cuộc sống gia đình luôn căng thẳng. Tháng 8/2017, anh H1 tiếp tục sang Hàn Quốc làm việc, hai anh chị ly thân từ đó, ít liên lạc với nhau, anh H1 chỉ thỉnh thoảng gọi điện về để nói chuyện với con. Anh H1 xác định vợ chồng không có hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung nên anh H1 đề nghị Tòa án xử cho anh ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh H1 xác định anh và chị H có hai con chung như chị H trình bày. Anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con vì hiện anh H1 đang ở nước ngoài, không có điều kiện chăm sóc con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H1 và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

***/ Cháu Phan Bá P, sinh ngày 10/8/2005 và Phan Bá M1, sinh ngày 26/11/2012 (là con anh H1, chị H) trình bày** nếu bố mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ để ổn định việc sinh hoạt và học tập.

***/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý và quá trình xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Phan Bá H1. Về quan hệ con chung: Đề nghị xử giao 02 con chung Phan Bá P, sinh ngày 10/8/2005 và Phan Bá M1, sinh ngày 26/11/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án chị Nguyễn Thị Thu H xin ly hôn anh Phan Bá H1 theo thủ tục chung, chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp bản tự khai, các chứng cứ chứng minh và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ; chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn – anh Phan Bá H1 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án, anh H1 cũng đã gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H cho Tòa án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phan Bá H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/02/2004, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian đầu chung sống hòa thuận, sau đó đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống của anh chị không phù hợp. Năm 2012, anh H1 đi làm việc ở Hàn Quốc, tình cảm vợ chồng càng xa cách, lạnh nhạt. Tháng 5/2017 anh H1 về nước, vợ chồng có thời gian

chung sống gần nhau nhưng mâu thuẫn không được khắc phục, đến tháng 8/2017, anh H1 tiếp tục đi làm việc tại Hàn Quốc lần thứ hai, chị H, anh H1 chấm dứt mọi mối quan hệ với nhau. Điều đó chứng tỏ anh chị đã không còn tình cảm với nhau và không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau trong cuộc sống. Xét thấy, mâu thuẫn của chị H và anh H1 đã kéo dài, không có khả năng hàn gắn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H ly hôn anh là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Phan Bá P, sinh ngày 10/8/2005 và Phan Bá M1, sinh ngày 26/11/2012 do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H1 hiện đang sống và làm việc tại Hàn Quốc, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo việc ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, cần giao cả hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H và anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 238; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Phan Bá H1.

[2] Về quan hệ con chung: Xử giao con Phan Bá P, sinh ngày 10/8/2005 và con Phan Bá M1, sinh ngày 26/11/2012 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Anh H1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Chị H, anh H1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo

Biên lai số 0009877 ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị H, anh H1. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Anh H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình